

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2022

V/v: “Ly hôn giữa bà P và ông Hùng A”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.

2. Bà Lê Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Hạnh P, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Số 376 N T Đ, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lưu Hùng A, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số 376 N T Đ, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/3/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đặng Hạnh P trình bày: bà P và ông Hùng A tự nguyện quen nhau khoảng hơn 01 năm, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn V T, huyện V T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/2004.

Lý do bà P yêu cầu xin ly hôn: bà P cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách sống, sinh hoạt, nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình; mỗi người có tính cách, tư tưởng và hành động khác nhau, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau. Cả hai đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã tự ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông Hùng A.

Về con chung: bà P xác nhận có 02 người con chung tên Lưu Kim Y, sinh ngày 15/3/2006 và Lưu Gia K, sinh ngày 16/11/2011.

Về tài sản chung và nợ chung: bà P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lưu Hùng A trình bày:* Ông Hùng A xác nhận về quan hệ hôn nhân, ông Hùng A và bà P tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn như nội dung trình bày của bà P là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng, ông Hùng A cho rằng, quá trình chung sống đôi lúc vợ chồng có xảy ra cự cãi về kinh tế, tiền bạc, về cách cư xử sinh hoạt hàng ngày. Ông Hùng A xác nhận vẫn còn tình cảm yêu thương bà P và muốn vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà P cương quyết muốn ly hôn nên nếu có níu kéo, kéo dài tình trạng hôn nhân thì cuộc sống cũng không hạnh phúc. Do đó, ông Hùng A đồng ý thuận tình ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông Hùng A xác nhận có 02 người con chung tên Lưu Kim Y, sinh ngày 15/3/2006 và Lưu Gia K, sinh ngày 16/11/2011.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hùng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà P yêu cầu:

Về hôn nhân: bà P yêu cầu được ly hôn với ông Hùng A.

Về con chung: bà P yêu cầu được nuôi người con tên Lưu Gia K và giao người con tên Lưu Kim Y cho ông Hùng A trực tiếp nuôi dưỡng. bà P và ông Hùng A không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Hùng A yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông Hùng A đồng ý thuận tình ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông Hùng A yêu cầu được nuôi 02 người con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hùng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà P và ông Hùng A cùng xác nhận, bà P và ông Hùng A tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn V T, huyện V T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/2004. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Hùng A được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà P, ông Hùng A không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc; xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa bà P, ông Hùng A xác nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên thống nhất thuận tình ly hôn. Thấy rằng, việc thuận tình ly hôn giữa bà P và ông Hùng là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên Lưu Kim Y, sinh ngày 15/3/2006 và Lưu Gia K, sinh ngày 16/11/2011. bà P yêu cầu nuôi người con tên Lưu Gia K và giao người con tên Lưu Kim Y cho ông Hùng A trực tiếp nuôi dưỡng. bà P và ông Hùng A không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Hùng A yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26/4/2021 người con tên Lưu Kim Y có nguyện vọng muốn được sống với cha là ông Hùng A. Người con tên Lưu Gia K có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà P.

Xét thấy, quá trình bà P, ông Hùng A cùng trông nom, nuôi dưỡng các con chung, các bên đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của những người con chung, cũng như tôn trọng nguyện

vọng của những người con chung. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Lưu Kim Y, sinh ngày 15/3/2006 cho ông Hùng A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con chung tên Lưu Gia K, sinh ngày 16/11/2011 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do bà P, ông Hùng A không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bác yêu cầu của ông Hùng A về việc yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 người con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà P, ông Hùng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: bà P phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Hạnh P và ông Lưu Hùng A.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lưu Gia K, sinh ngày 16/11/2011 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con chung tên Lưu Kim Y, sinh ngày 15/3/2006 cho ông Hùng A trực tiếp nuôi dưỡng. bà P, ông Hùng A không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà P, ông Hùng A được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: bà P phải nộp 300.000 đồng. bà P đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0001303, ngày 17/3/2021 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà P được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa